TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 318/2019/DS-PT
Ngày 26 – 11 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Phạm Việt Trung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Phạm Thanh Răng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 12 và 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1957
Địa chỉ: khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà L: Bà Du Thị B, sinh năm 1980; địa chỉ: đường Đ, khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh C (Văn bản uỷ quyền ngày 25/10/2019), (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1961
Bà Phan Thị H, sinh năm 1957
Cùng địa chỉ: Khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông V và bà H: Ông Ngô Trường S, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh C (Văn bản uỷ quyền ngày 21/12/2018), (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Kim Văn T, sinh năm 1959 (Có mặt)
Địa chỉ: Khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh C

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị L, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Đại diện hợp pháp của bà L trình bày*:

Năm 2015, bà L có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn V và bà Phan Thị H 03 thửa đất tọa lạc tại khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh C. Cụ thể:

Thửa số 1558, tờ bản đồ số 08, diện tích 10.318,00 m^2; thửa số 1564, tờ bản đồ số 08, diện tích 17.689,48 m^2; thửa số 645, tờ bản đồ số 08 diện tích 13.061,00 m^2; tổng diện tích 03 thửa đất 41.068,48 m^2 do ông Trần Văn V và bà Phan Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giá chuyển nhượng 2.000.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, công chứng tại Văn phòng công chứng Đất Mũi ngày 17/11/2015 và đã chỉnh lý chuyển tên cho bà L vào ngày 03/11/2016. Tuy nhiên, khi lập hợp đồng chuyển nhượng công chứng chỉ ghi giá chuyển nhượng 300.000.000 đồng để giảm tiền thuế. Bà L đã giao tiền đủ một lần 2.000.000.000 đồng cho bà H tại nhà bà H vào sáng ngày 17/11/2015, có bà L1 chứng kiến (Bà L2 là chị ruột của bà H hiện đang định cư tại Hoa Kỳ). Khi giao tiền không có làm biên nhận, giấy tờ vì nghĩ là người thân trong gia đình (bà H và bà L1 là dì ruột của bà L). Sau khi giao đủ tiền xong, các bên đã đi làm thủ tục công chứng ngay trong ngày 17/11/2015.

Đến năm 2017 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), ông V và bà H giao thửa đất diện tích 17.689,48 m^2 cho bà L và hiện nay bà L đang cho ông Kim Văn T thuê phần đất này. Đối với 02 thửa đất còn lại có thỏa thuận để cho bà H và ông V tiếp tục ở 03 tháng để thu hoạch tôm nhưng đến nay vẫn chưa giao đất cho bà L. Sau khi phát sinh tranh chấp, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C có tiến hành hòa giải, tại buổi hòa giải ngày 31/5/2018 bà H có yêu cầu bà L hỗ trợ số tiền 500.000.000 đồng để bà H di dời đi nơi khác nhưng bà L không đồng ý, sau đó bà H tự ý bỏ về không ký tên vào biên bản. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông V và bà H phải tiếp tục giao 02 thửa đất còn lại: thửa có diện tích 10.318,00 m^2 và thửa có diện tích 13.061,00 m^2 cho bà L theo hợp đồng chuyển nhượng.

- *Đại diện hợp pháp của ông V và bà H trình bày:*

Khoảng năm 2015, vợ chồng ông V, bà H có chuyển nhượng cho bà Lệ 03 thửa đất tọa lạc tại khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh C và giá chuyển nhượng đúng như đại diện hợp pháp của bà L trình bày. Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 của hợp đồng thì công chứng xong mới giao tiền. Bà H, ông V và bà L cùng đến phòng công chứng để làm thủ tục công chứng hợp đồng, phía bà L có trách nhiệm đi làm thủ tục sang tên. Nhưng thực tế cho đến nay bà L chưa giao cho bà H, ông V khoản tiền nào. Khi chuyển nhượng không có bà L1 chứng kiến. Bà H đã giao cho bà L thửa đất diện tích 17.689,48 m^2; 02 thửa còn lại ông V và bà H chưa giao cho bà L vì bà L chưa giao khoản tiền nào cho ông V và bà H.

Tại buổi hòa giải ngày 31/5/2018 tại phường T, thành phố C, bà H có tham gia hòa giải nhưng đôi bên không thỏa thuận được nên bà H bỏ về không ký tên vào biên bản hòa giải. Nội dung biên bản hòa giải không chính xác về phần bà H yêu cầu bà L trả 500.000.000 đồng mà ý của bà H là bà L phải đưa trước cho bà H 500.000.000 đồng. Ông V và bà H không đồng ý với yêu cầu của bà L. Trường hợp bà L giao đủ số tiền 2.000.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng thì ông V và

bà H tiếp tục giao 02 thửa đất còn lại theo yêu cầu của bà L, nếu không thì yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng vì bà L chưa giao tiền là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

- Ông Kim Văn T trình bày:

Ông có thuê của bà L phần đất diện tích 17.689,48 m^2 tọa lạc khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau từ năm 2018 đến nay; giá thuê 14.000.000 đồng/năm. Trường hợp Tòa án giao đất cho ai ông cũng đồng ý và không có yêu cầu gì về phần đầu tư cải tạo.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 127/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về việc yêu ông Trần Văn V và bà Phan Thị H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 17/11/2015 giao thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 08, diện tích 10.318,00 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 191054 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 07/7/2006 cho ông Trần Văn V và bà Phan Thị H được chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho bà Trần Thị L thửa số 34, tờ số 63 vào ngày 03/11/2016 và Thửa đất số 645, tờ bản đồ số 08 diện tích 13.061,00 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 391126 do UBND thành phố Cà Mau cấp ngày 28/8/2006 cho ông Trần Văn V và bà Phan Thị H được chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho bà Trần Thị L, thửa số 02, tờ số 23 vào ngày 03/11/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2019, bà Trần Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm: Đưa bà Phan Thị L1 tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; làm rõ văn bản công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đưa công chứng viên tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bà L xác định yêu cầu kháng cáo: Trường hợp cấp phúc thẩm xét thấy cần phải đưa bà L1 tham gia tố tụng trong vụ án thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm; nếu không cần phải đưa bà Lan tham gia tố tụng thì đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của bà L phát biểu: Theo Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định về phương thức thanh toán: Thanh toán đủ khi ký công chứng; Điều 3 của hợp đồng quy định bên A có nghĩa vụ chuyển giao thửa đất và các giấy tờ có liên quan cho bên B vào thời điểm ký công chứng. Ông V và bà H đã giao giấy tờ của các thửa đất chuyển nhượng cho là L đi làm thủ tục sang tên cho bà L, từ đó đến nay ông V và bà H không đặt ra việc bà L chưa giao tiền, ông V và bà H đã giao cho bà L thửa đất diện tích 17.689,48m^2. Ông V và bà H khó khăn nên mới chuyển nhượng đất, nhưng khi chuyển nhượng đất mà không nhận tiền là không có lý. Tại biên bản hòa giải của phường Tân Xuyên ngày

31/5/2018 bà H trình bày: Đây là phần đất của chị ở nước ngoài, bà ở để gìn giữ dùm, canh tác thu hoa lợi trên đất, hiện nay khi bà đi thì phải trả cho bà một số tiền để đi nơi khác mua chổ ở; khi kết thúc hòa giải, bà bỏ về không ký biên bản. Đồng thời bà L1 cũng xác định phần đất mà ông V và bà H chuyển nhượng cho bà L là đất của bà L1, bà L1 gửi tiền về nhờ ông V và bà H mua dùm và đứng tên, bà đã nhận đủ số tiền 2 tỷ đồng chuyển nhượng đất cho bà L, bà không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Từ các căn cứ trên, chứng minh bà L thanh toán xong số tiền 2 tỷ đồng chuyển nhượng đất cho ông V và bà H và không cần thiết phải đưa bà L1 tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đại diện hợp pháp của ông V và bà H phát biểu: Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đã giao số tiền 2 tỷ đồng cho ông V và bà H; bà L1 và ông T trình bày không khách quan, vì trước sau trình bày không thống nhất nhau; đơn khởi kiện bà L trình bày đưa tiền tại Công chứng, nhưng trước tòa trình bày trả tiền tại nhà bà H, là mâu thuẫn nhau; đơn khởi kiện trình bày trả 300 triệu đồng nay trình bày trả 2 tỷ đồng. Bà L1 cũng không có khởi kiện bà H, bà L1 xác định không liên quan gì trong vụ án này. Nếu suy luận bà L đã giao tiền nên ông V và bà H mới giao đất là chưa hợp lý, vì sao bà L đã giao tiền nhưng đến mấy năm sao mới yêu cầu giao đất. Phần đất chuyển nhượng chưa cấp quyền sử dụng đất cho bà L. Từ các căn cứ trên, kiến nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Bà L1 xác định 03 thửa đất là của bà L1 gửi tiền nhờ ông V và bà H mua đứng tên dùm chưa được làm rõ; chưa làm rõ việc bà L cho rằng đã nhận 2 tỷ đồng chuyển nhượng đất, chưa làm rõ có hay không việc bà L gửi tiền về nhờ mua đất dùm; chưa ghi lời khai những người sang nhượng đất, chưa làm rõ ai giao tiền, giao cho ai; bà L thừa nhận đã nhận số tiền 2 tỷ đồng nhưng không đưa bà L tham gia tố tụng; bà L hiện nay định cư ở Mỹ, nếu đưa bà L tham gia tố tụng thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án cấp tỉnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Vào ngày 17/11/2015, ông V và bà H có chuyển nhượng cho bà L 03 thửa đất tọa lạc tại khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh C. Cụ thể: Thửa số 1558, tờ bản đồ số 08, diện tích 10.318,00 m^2; thửa số 1564, tờ bản đồ số 08, diện tích 17.689,48 m^2; thửa số 645, tờ bản đồ số 08 diện tích 13.061,00 m^2; tổng diện tích

03 thửa đất 41.068,48 m^2 do ông Trần Văn V và bà Phan Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá chuyển nhượng 2.000.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, công chứng tại Văn phòng công chứng Đất Mũi ngày 17/11/2015, trong hợp đồng chuyển nhượng công chứng chỉ ghi giá chuyển nhượng 300.000.000 đồng để giảm tiền thuế.

[2] Sau khi ký kết hợp đồng, ông V và bà H đã giao cho bà L thửa đất 17.689,48m^2; 02 thửa còn lại ông V và bà H cho rằng bà L chưa trả tiền chuyển nhượng nên không giao cho bà L, từ đó phát sinh tranh chấp, bà L khởi kiện yêu cầu ông V và bà H giao cho bà 02 thửa đất còn lại.

[3] Trong quá trình giải quyết tranh chấp, bà L còn cho rằng phần đất bà nhận chuyển nhượng từ ông V và bà H là đất của bà L1, do bà L1 gửi tiền nhờ ông V và bà H sang nhượng và đứng tên dùm; ông V và bà H cho rằng là đất của ông bà chứ không phải của bà L1.

[4] Xét về quyền sở hữu đối với 03 đất nêu trên thấy rằng: Việc chuyển nhượng đối với 03 thửa đất nêu trên ông V và bà H là người thực hiện giao dịch và đứng tên quyền sử dụng đất. Phía bà L, bà L1 cũng như ông T cho rằng tiền chuyển nhượng là của bà L1, ông V và bà H chuyển nhượng và đứng tên dùm cho bà L1. Bà L, bà L1 cung cấp chứng cứ chứng minh là các giấy chuyển tiền của bà L1 cho bà H nhận vào thời điểm ông V và bà H thực hiện việc chuyển nhượng. Ông V và bà H cho rằng tiền chuyển nhượng đất là của ông bà, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông V và bà H không chứng minh được nguồn tiền là của ông bà để chuyển nhượng các thửa đất nêu trên. Qua xác minh đối với các chủ đất củ trước đây của 03 thửa đất chuyển nhượng trình bày không thống nhất nhau: Bà Nguyễn Thu M (vợ ông Thái Văn Đ) trình bày vợ chồng bà chuyển nhượng đất cho ông V bà H, khi chuyển nhượng không nghe ông V và bà H nói chuyển nhượng dùm ai; bà Dương Thị L (vợ ông Thái Văn N) trình bày: Bà L1 là người trực tiếp gặp vợ chồng bà thỏa thuận việc chuyển nhượng đất, bà L1 là người trực tiếp trả tiền chuyển nhượng, vợ chồng bà không có giao dịch chuyển nhượng đất với bà H; Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T là người dẫn bà L1 đến gặp ông để thỏa thuận việc chuyển nhượng đất, bà H nói chuyển nhượng dùm cho người chị tên L1 ở nước ngoài. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 31/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường Tân Xuyên, bà H trình bày: Đây là phần đất của chị ở nước ngoài, bà ở để gìn giữ dùm, canh tác thu hoa lợi trên đất, hiện nay khi bà đi thì phải trả bà một số tiền để đi nơi khác mua chổ ở. Do đó, có căn cứ xác định ông V và bà H chuyển nhượng và đứng tên dùm cho bà L1 03 thửa đất nêu trên.

[5] Về thanh toán tiền chuyển nhượng đất: Bà L cho rằng đã thanh toán xong số tiền 2 tỷ đồng cho ông V và bà H; phía ông V và bà H cho rằng bà L chưa thanh toán khoản tiền nào. Xét thấy: Tại Điều 2 của Hợp đồng chuyển nhượng quy định về phương thức thanh toán: Thanh toán đủ khi ký công chứng; tại Điều 3 của hợp đồng quy định: Bên A có nghĩa vụ chuyển giao thửa đất và các giấy tờ có liên quan nêu tại Điều 1 cho bên B vào thời điểm ký công chứng. Thực tế, ông V và bà H đã giao toàn bộ giấy tờ cho bà L để nộp hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền; bà L đã được chỉnh lý đứng tên quyền sử đất từ ngày

03/11/2016. Đến năm 2017, ông V và bà H đã giao cho bà L thửa đất 17.689,48m^2. Từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng đến khi bà L khởi kiện ông V và bà H cũng không đặt ra việc bà L chưa trả tiền chuyển nhượng đất. Đồng thời bà L1 cũng xác định khi bà L giao tiền cho bà H có mặt bà, bà H nhận tiền và giao lại cho bà, bà đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng đất 2 tỷ đồng do bà H giao. Do đó, việc bà L cho rằng đã thanh toán xong số tiền 2 tỷ đồng chuyển nhượng đất cho ông V và bà H là có cơ sở, mặc dù không có giấy tờ biên nhận của ông V và bà H. Đối với trình bày của ông V và bà H cho rằng bà L chưa thanh toán khoản tiền nào là không phù hợp, không có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông V và bà H tiếp tục giao 02 thửa đất còn lại cho bà L là có căn cứ.

[6] Đới với căn nhà và các tài sản khác của ông V và bà H trên đất, buộc ông V và bà H tháo dỡ, di dời để trả lại hiện trạng đất cho bà L. Về chi phí tháo dỡ, di dời ông V và bà H không yêu cầu bồi hoàn nên không đặt ra xem xét.

[7] Đối với bà L1, như đã phân tích trên chứng minh phần đất chuyển nhượng là của bà L1, bà L1 xác định đã nhận đủ số tiền 02 tỷ đồng chuyển nhượng đất cho bà L, bà L1 không còn liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án và có yêu cầu không tham gia tố tụng; hơn nữa, do hiện nay ông V và bà H đang quản lý 02 thửa đất còn lại nên bà L khởi kiện yêu cầu ông V và bà H, không cần thiết phải đưa bà L1 tham gia tố tụng và không cần phải hủy án sơ thẩm.

Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm ông V và bà H phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm bà L không phải chịu.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 127/2019/DS-ST ngày 28 – 8 – 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L về việc yêu ông Trần Văn V và bà Phan Thị H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng 17/11/2015. Buộc ông V và bà H giao cho bà L thửa đất số 1558, tờ bản đồ số 08, diện tích 10.318,00 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 191054 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 07/7/2006 cho ông

Trần Văn V và bà Phan Thị H được chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho bà Trần Thị L thửa số 34, tờ số 63 vào ngày 03/11/2016 và thửa đất số 645, tờ bản đồ số 08 diện tích 13.061,00 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 391126 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 28/8/2006 cho ông Trần Văn V và bà Phan Thị H được chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho bà Trần Thị L, thửa số 02, tờ số 23 vào ngày 03/11/2016. Đất tọa lạc tại khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh C.

Buộc ông Trần Văn V và bà Phan Thị H tháo dỡ, di dời căn nhà và các tài sản trên đất để trả lại hiện trạng đất cho bà L.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn V và bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Bà Trần Thị L không phải chịu. Ngày 30/11/2018, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001646 ngày của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị L không phải chịu. Bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000732 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập